

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

2. Ông Huỳnh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Anh T, sinh năm 1995; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 54/1 Ô, khu B, xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1993; (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Ấp C, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T1 hiện đang chấp hành án tại Trại giam T2- Bộ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2026, bản tự khai, nguyên đơn bà Huỳnh Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày

27/11/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ khu B, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông T1 đã bỏ nhà đi hơn 04 năm, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc hay bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Trong thời gian ly thân, bà T trực tiếp gánh vác mọi công việc gia đình và chăm lo con chung nhưng không nhận được sự hỗ trợ, chia sẻ hay chỗ dựa tinh thần nào từ ông T1.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chung sống không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Bà T xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05/3/2018 và Nguyễn Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 16/6/2020. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2026, ông Nguyễn Tấn T1 trình bày:

Ông T1 và bà T kết hôn năm 2017. Trong thời gian sống chung có 02 người con chung là Nguyễn Tấn P và Nguyễn Huỳnh Ngọc D. Hai vợ chồng có mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông T1 đồng ý. Ông T1 đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông T1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà T và ông T1 vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Anh T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Tấn T1 nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông T1 có địa chỉ cư trú tại xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 27/11/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ khu B, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông T1 đã bỏ nhà đi hơn 04 năm, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc hay bàn bạc để hàn gắn tình cảm. Trong thời gian ly thân, bà T trực tiếp gánh vác mọi công việc gia đình và chăm lo con chung nhưng không nhận được sự hỗ trợ, chia sẻ hay chỗ dựa tinh thần nào từ ông T1. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chung sống không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2026 gửi cho Tòa án, ông T1 xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nên ông T1 đồng ý ly hôn với bà T.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Tấn

P, sinh ngày 05/3/2018 và Nguyễn Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 16/6/2020. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân năm 2020 cho đến nay, các cháu vẫn ở với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Nguyễn Tấn P và Nguyễn Huỳnh Ngọc D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Anh T ly hôn ông Nguyễn Tấn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05/3/2018 và Nguyễn Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 16/6/2020 cho bà Huỳnh Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ

chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006093, ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 13;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị Bình